TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Mỹ Trang

Bà Hoàng Thị Thanh Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Duy K, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp A, xã Xuân B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều G, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Duy K trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Kiều G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị G không quan tâm đến chồng con, lúc nào cũng chỉ biết

đến tiền bạc khiến cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2011 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 06/9/2009 và cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 28/8/2012. Khi ly hôn, anh giao cháu L và cháu N cho chị G nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000 đồng cho cả hai con chhung

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều G trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh K về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Đây là lần kết hôn đầu của anh chị. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh K đi làm ăn xa, ít gửi tiền về nuôi con, đến năm 2015 thì anh K hoàn toàn không phụ giúp chị trong việc nuôi con chung. Giữa chị và anh K chỉ mâu thuẫn về việc gửi tiền nuôi con. Anh K cũng ít về nhà thăm con, mỗi năm chỉ về nhà một đến hai lần để thăm con. Hiện nay, chị vẫn còn tình cảm với anh K nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh chị có 02 con chung như anh Khánh trình bày. Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và cháu N. Chị yêu cầu anh K cấp dưỡng để chị nuôi con hàng tháng là 4.000.000 đồng cho cả hai con chung.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Lê Duy K và bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều G chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy K. Anh Lê Duy K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều G. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 06/9/2009 và cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 28/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Kiều G trực tiếp nuôi dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lê Duy K cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều G đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G là phù hợp.

Anh Lê Duy K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Duy K và chị Nguyễn Thị Kiều G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Anh Lê Duy K khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị G không quan tâm đến chồng con, lúc nào cũng chỉ biết đến tiền bạc khiến cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2011 đến nay. Chị G trình bày anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh K đi làm ăn xa, ít gửi tiền về nuôi con, đến năm 2015 thì anh K hoàn toàn không phụ giúp chị trong việc nuôi con chung. Tuy chị G trình bày vẫn còn tình cảm với anh K nên chị không đồng ý ly hôn nhưng chị G cũng thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn về việc gửi tiền nuôi con. Anh K cũng ít về nhà thăm con, mỗi năm chỉ về nhà một đến hai lần để thăm con. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh K và chị G mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Khánh là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Giang yêu cầu nuôi hai con chung là Lê Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 06/9/2009 và cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 28/8/2012, Anh Khánh đồng ý giao 02 cong chung là cháu L và cháu N cho cho chị G Nuôi dưỡng, của cháu Linh và cháu Lam có nguyện vọng được sống chung với chị G nên giao cháu L và cháu N cho chị G nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Giang yêu cầu anh K cấp dưỡng để chị G nuôi con hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng/2con chung, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là đồng/tháng/2 con chung. Nên ghi nhận và buộc anh K cấp dưỡng nuôi con chung

là 4.000.000đồng/tháng/2 con chung là phù hợp quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh K và chị G trình bày không có tài sản chung nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh K và chị G trình bày anh chị không có nợ chung không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho anh Lê Duy K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều G.

2. Về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 06/9/2009 và cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 28/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Kiều G trực tiếp nuôi dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Anh Lê Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi cháu Lê Nguyễn Ngọc L và cháu Lê Nguyễn Ngọc N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị Kiều G trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không được cản trở việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Lê Duy K.

Anh Lê Duy K được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Nguyễn Thị Kiều G. Khi cần thiết, anh Lê Duy K và chị Nguyễn Thị Kiều G được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng

nuôi con.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về nợ chung: không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê Duy K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí anh Lê Duy K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 007173 ngày 26/02/2019 được tính trừ vào án phí. Anh Lê Duy K còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Duy K và chị Nguyễn Thị Kiều G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Thanh